

Bản án số: 06/2024/HS-ST
Ngày 05-02-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁT HẢI, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Như Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Văn Tân

Bà Đoàn Thị Tiến

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Tiên - Thẩm tra viên chính Tòa án nhân dân huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Lam - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 03/2024/TLST-HS ngày 18 tháng 01 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2024/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 01 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Bùi Văn H, sinh ngày 23 tháng 10 năm 1981 tại Thanh Hóa; nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; giới tính: N; dân tộc: Mường; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Bùi Văn T và bà Bùi Thị C; có vợ là Bùi Thị Thúy L và 03 con; tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 19/10/2023; có mặt.

2. Lâm Ngọc T, sinh ngày 05 tháng 10 năm 1987 tại Thanh Hóa; nơi cư trú: Thôn P, xã Y, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; giới tính: N; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Lâm Ngọc T và bà Cao Thị N; có vợ là Bùi Thị O và có 01; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: 01 tiền sự (đã hết thời hiệu), năm 2015 bị Công An huyện Nông Cống ra Quyết định số 86s/CAC ngày 02/12/2015 Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Cố ý gây thương tích (đã được xóa); bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 19/10/2023; có mặt.

3. Lê Văn Đ, sinh ngày 16 tháng 6 năm 1991 tại Nghệ A; nơi cư trú: Thôn C, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ A; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; giới tính: N; dân tộc: Thổ; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Lê Minh L và bà Trần Thị T; có vợ là Quách Thị H và có 01 con; tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 19/10/2023; có mặt.

4. Hoàng Văn C, sinh ngày 13 tháng 9 năm 1996 tại Nghệ An; nơi thường trú: Thôn C, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ A; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; giới tính: Nam; dân tộc: Thổ; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Hoàng Văn B và bà Hoàng Thị H; có vợ là Nguyễn Thị T và có 01 con; tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 19/10/2023; có mặt.

5. Lâm Ngọc N, sinh ngày 20 tháng 5 năm 1985 tại Thanh Hóa; nơi cư trú: Thôn P, xã Y, huyện Nông C, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 9/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Lâm Ngọc T và bà Cao Thị N; có vợ là Lương Thị H và có 03 con; tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 19/10/2023; có mặt.

6. Bùi Văn T, sinh ngày 13 tháng 8 năm 1992, tại T Hóa; nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện Thạch T, tỉnh T Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 9/12; giới tính: Nam; dân tộc: Mường; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Bùi Văn L và bà Bùi Thị D; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 19/10/2023; có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên qua:

1. Lê Văn Đ, sinh năm 1991; nơi cư trú: Thôn C, xã N huyện N, tỉnh Nghệ A; có mặt.

2. Chị Đào Thị X, sinh năm 1980; nơi cư trú: Tổ dân Phố H, thị trấn C, huyện C, thành phố Hải Phòng; vắng mặt

3. Ah Đoàn Văn A, sinh năm 1976; nơi cư trú: Tổ dân Phố H, thị trấn C, huyện C, thành phố Hải Phòng; vắng mặt

- Người làm chứng:

1. Ah Bùi Văn H; vắng mặt

2. Ah Đoàn Văn A; vắng mặt

3. Chị Đào Thị X; vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Các bị cáo Lâm Ngọc T, Lâm Ngọc N, Bùi Văn H, Bùi Văn T, đều là công nhân làm thuê tại thị trấn Cát Bà, huyện Cát Hải. Khoảng 18 giờ ngày 18/5/2023, do bị cáo T có hẹn với Hoàng Văn C từ trước nên T rủ N, H, T và Bùi Văn H đi uống

bia tại quán ăn X Quán thuộc tổ dân phố Hùng Sơn, thị trấn Cát Bà, huyện Cát Hải, Hải Phòng để gặp Hoàng Văn C.

Ăn uống xong thì H, H và T ra phía trước cửa quán, uống nước ngồi chờ. Lúc này Cao Văn D, Lê Văn Đ đến ăn uống cùng T, N, C.

Đến khoảng hơn 20 giờ cùng ngày, giữa N và C xảy ra mâu thuẫn cãi chửi nhau về việc nhóm T, N nợ tiền lương của C, Đ, D. Trong lúc cãi chửi nhau C cầm cốc bia đổ xuống nền nhà. Thấy một số người bên nhóm N đứng dậy, sợ bị đánh nên Đ đã cầm 01 cốc uống bia bằng thủy tinh trên bàn đập 01 phát trúng người N. N lao vào xô xát với Đ, T dùng tay gạt chiếc cốc từ tay Đ, sau đó cầm 01 cốc thủy tinh uống bia đập trúng mặt Đ. Đ dùng tay chụp giật chiếc cốc vỡ trên tay T thì bị cốc cửa vào tay. Cao Văn D chạy vào can ngăn thì bị trượt chân ngã ngửa ra nền nhà bất tỉnh. Trong lúc Đ, N, T đang xô xát thì C chạy về phòng trọ ở tổ dân phố Hùng Sơn lấy 01 con dao và gặp Lục Văn S nói rằng Đ và D đang bị đánh, C cầm dao tiếp tục chạy ra quán X Quán. Khi thấy N đang sơ cứu cho D thì C cầm dao giơ lên chỉ về phía N nói “Anh N, Anh không dừng lại em chém”, N nói “bác D sắp chết rồi mà mày còn như thế” thì C đã bỏ về phòng trọ cất dao. Lúc này Lục Văn S cầm 02 viên gạch đến quán X Quán, N nhìn thấy S cầm gạch trên tay đã bỏ chạy nên S ném gạch đi bỏ về nhà.

H, H1, và T ngồi uống nước tại cửa quán, nghe thấy tiếng cãi nhau, tiếng cốc bị vỡ, thấy Đ chạy ra ngoài, do muốn bên vực T nên H ôm và giữ người Đ lại khóa tay về phía sau, hô lên “đánh, đánh đi”, thấy vậy T lao vào dùng tay phải đánh vào vai trái Đ 01 nhát. H tiếp tục dùng tay phải ấn đầu Đ xuống phía dưới, thấy 01 cục bê tông hình hộp vuông cạnh dài 28cm đặt tại chân biển quảng cáo trước cửa quán, H ấn đầu Đ vào cục bê tông 01 nhát làm Đ nằm gục ngất tại chỗ. Sau đó H đi vào trong quán tìm kiếm điện thoại, thấy C đi ra H cầm 01 cốc thủy tinh uống bia để đánh C, nhưng C giằng được đập cốc trúng vùng mang tai trái H. Hậu quả Đ bị thương tích được đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện Việt Tiệp Hải Phòng, quán ăn X Quán phải tạm dừng hoạt động kinh doanh.

Tại cơ quan điều tra Đ từ chối giám định thương tích và không đề nghị xử lý hình sự, do đó Công An huyện Cát Hải đã giám định thương tích trên hồ sơ. Bản kết luận giám định tổn thương cơ thể trên hồ sơ số 505/2023/KLTgTHS- TTPYHP ngày 27/7/2023 của Trung tâm pháp y Hải Phòng kết luận: Tổng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Lê Văn Đ qua hồ sơ là 11%. Các vết thương có đặc điểm do vật có góc cạnh cứng, có thể sắc hoặc tương đối sắc tác động trực tiếp gây nên.

Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận T bộ sự việc như đã nêu trên. Tại phiên tòa, bị cáo - người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Văn Đ xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo T, C, H, N, T và không đề nghị các bị cáo phải bồi thường về trách nhiệm dân sự.

Tại phiên tòa Đ diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cát Hải giữ quyền công tố và tranh luận hành vi phạm tội của các bị cáo, Đại diện Viện kiểm sát phân tích tính chất, vai trò, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với từng bị cáo. Đ diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

Về trách nhiệm hình sự: Áp dụng điểm b, khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 65 của Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt bị cáo Bùi Văn H từ 30 đến 36 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 60 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm;

Áp dụng điểm b, khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 65 của Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt bị cáo Lâm Ngọc T từ 27 đến 33 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là từ 54 đến 60 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm;

Áp dụng điểm b, khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 65 của Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt các bị cáo Lâm Ngọc N, Bùi Văn T, Hoàng Văn C, Lê Văn Đ từ 24 đến 30 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 48 đến 60 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Về trách nhiệm dân sự: Các bị cáo đã bồi thường thương tích cho Lê Văn Đ, nên Đ không yêu cầu bồi thường gì thêm và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Đối với thiệt hại của quán X Quán, anh chị X A không yêu cầu bồi thường nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về vật chứng vụ án: Đối với 03 mảnh thủy tinh vỡ từ cốc uống bia thu giữ tại quán ăn X Quán sử dụng vào việc phạm tội nên cần tịch thu tiêu hủy.

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên huỷ bỏ biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú đối với các bị cáo.

Các bị cáo không có ý kiến trAh luận đồng thời thừa nhận luận tội của Viện kiểm sát về tội danh cũng như mức hình phạt là đúng. Các bị cáo biết mình vi phạm pháp luật đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt, tạo điều kiện để bị cáo cải tạo ngoài xã hội, làm lại cuộc đời.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về tố tụng:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng, điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp, đúng quy định của pháp luật.

Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

[2] Lời khai của các bị cáo tại phiên toà phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với nhau, phù hợp với Cáo trạng và phù hợp với các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Qua đó xác định, các bị xảy ra xô xát, ẩu đả tại quán X Quán, các bị cáo đã dùng võ chai, cốc có sẵn tại quán gây thương tích cho nhau, hậu quả làm thiệt hại sức khoẻ của bị cáo Đ với tổng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể là 11%, đồng thời gây thiệt hại, gây mất trật tự tại quán ăn X Quán thuộc tổ dân phố Hùng Sơn, thị trấn Cát Bà, huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng.

[3] Các bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự đã thực hiện hành vi dùng hung khí xâm phạm đến khách thể là trật tự an ninh xã hội, cuộc sống sinh hoạt ổn định của cộng đồng, đồng thời xâm phạm đến sức khoẻ và tài sản của những người xung quanh. Hành vi phạm tội của các bị cáo vi phạm nghiêm trọng pháp luật hình sự, gây mất trật tự trị an, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh chính trị của địa phương.

[4] Từ những phân tích trên đây có đủ cơ sở để kết luận các bị cáo H, T, Đ, C, N, T phạm tội Gây rối trật tự công cộng, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 318 của Bộ luật Hình sự.

[5] Như vậy Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cát Hải truy tố các bị cáo là có cơ sở, đúng người, đúng pháp luật.

[6] Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, tuy nhiên, khi quyết định hình phạt cũng phải đánh giá vai trò của từng bị cáo để có thể lượng hình một cách khách quan, toàn diện.

[7] Đối với bị cáo H, bị cáo không phải là người khởi xướng sự việc xô xát, nhưng bị cáo lại là người thực hành tích cực nhất. Hành vi bị cáo giữ Đ cho bị cáo T đánh, sau đó đập đầu bị cáo Đ xuống cục bê tông tại cửa quán là hành vi gây hậu quả lớn nhất trong vụ án. Do đó, cần xác định bị cáo là người có vai trò lớn nhất trong vụ án.

[8] Các bị cáo T, Đ, C, N là người thực hành tích cực, C là người đổ cốc bia xuống nền nhà và là nguyên nhân gây ra việc xô xát giữa các bị cáo. Do đó, cần xác định các bị cáo có vai trò bằng nhau trong vụ án. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt cần đánh giá mức hình phạt của bị cáo T cao hơn các bị cáo khác.

[9] Đối với bị cáo T, bị cáo là người giữ vai trò không đáng kể, ít tham gia xô xát nhất trong vụ án nên cần xác định bị cáo có vai trò thấp nhất trong vụ án.

[10] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

[11] Về nhân thân và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của bộ

luật hình sự. Các bị cáo: Đ, C, H, T đều là người dân tộc thiểu số ít người, nhận thức pháp luật còn hạn chế. Bị cáo T, N, C, H, T đã bồi thường thiệt hại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, đồng thời người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo; các bị cáo Đ, C, H, N, T có nhân thân tốt, quá trình sinh sống tại địa phương các bị cáo đều chấp hành tốt chủ trương, chính sách pháp luật của Nhà nước, Các bị cáo có con đều rất nhỏ, là lao động chính trong gia đình. Bị cáo T mặc dù có 01 tiền sự từ năm 2015, bị công an huyện Nông Cống tỉnh Thanh Hoá xử phạt về hành vi Cố ý gây thương tích, nhưng tính đến thời điểm xét xử tiền sự đã hết thời hiệu, bị cáo T đã tích cực, chủ động trong việc bồi thường cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, đồng thời được người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có đơn xin giảm nhẹ hình phạt, bị cáo cũng là lao động chính trong gia đình. Qua phân tích nói trên, các bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[12] Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, các bị cáo không có sự bàn bạc, không có sự phân công, việc phạm tội là hành vi bột phát nhất thời của các bị cáo. Các bị cáo không có hành vi hô hoán, cổ vũ, sự việc xô xát diễn ra nhanh chóng, hung khí thô sơ, là những vật có sẵn tại quán. Các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, trong đó có 01 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; có nơi cư trú rõ ràng. Do đó, Hội đồng xét xử thấy cần tạo điều kiện cho các bị cáo được cải tạo ngoài xã hội để các bị cáo có cơ hội sửa chữa sai lầm và cũng là bài học cho chính các bị cáo.

[13] Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra các bị cáo T, C, H, N, T đã tự thỏa thuận bồi thường cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Lê Văn Đ, Đ không có yêu cầu bồi thường thêm, nên Hội đồng xét xử không xem xét. Đối với thiệt hại tại quán ăn X Quán, do thiệt hại không lớn, các bị cáo đã tự nguyện bồi thường đầy đủ cho ông Đoàn Văn A và bà Đào Thị X là chủ quán, nên ông bà A, X không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Đánh giá về vật chứng, xử lý vật chứng:

[14] Đối với 01 điều cày bằng tre màu đen, thu giữ tại quán X Quán, do không liên quan đến vụ án nên Cơ quan điều tra Công An huyện Cát Hải đã trả lại cho chủ sở hữu; **Đối với con dao C khai mang từ nhà ra quán mục đích để đánh nhau, nhưng do C không sử dụng, cơ quan điều tra đã truy tìm nhưng không thu hồi được. Việc xử lý vật chứng của cơ quan điều tra là phù hợp với quy định pháp luật hình sự.**

[15] Đối với 03 mảnh thủy tinh vỡ từ cốc uống bia thu giữ tại quán ăn X Quán sử dụng vào việc phạm tội là vật không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu, tiêu hủy.

Đánh giá về những vấn đề khác:

[16] Đối với Lục Văn S, sau khi các đối tượng đánh nhau, S cầm theo gạch đến quán X Quán, tuy nhiên S không sử dụng vào việc đánh nhau và cũng không tham gia đánh nhau, nên Cơ quan điều tra không xử lý. Đối với Bùi Văn H có tham gia ăn uống cùng các bị cáo nhưng không tham gia việc gây rối nên cơ quan điều tra không xử lý. Việc xử lý của cơ quan điều tra Công an huyện Cát Hải là phù hợp với quy định của pháp luật.

[17] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm

[18] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65; Điều 58; Điều 17 của Bộ luật Hình sự:

- Tuyên bố các bị cáo Bùi Văn H, Lâm Ngọc T, Lê Văn Đ, Hoàng Văn C, Lâm Ngọc N và Bùi Văn T phạm tội “Gây rối trật tự công cộng”.

- Xử phạt bị cáo Bùi Văn H 30 (ba mươi) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 60 (sáu mươi) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Xử phạt bị cáo Lâm Ngọc T 27 (hai mươi bảy) tháng tù cho hưởng án treo thời gian thử thách 54 (năm mươi tư) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Xử phạt bị cáo Lê Văn Đ 24 (hai mươi tư) tháng tù cho hưởng án treo thời gian thử thách 48 (bốn mươi tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Xử phạt bị cáo Hoàng Văn C 24 (hai mươi tư) tháng tù cho hưởng án treo thời gian thử thách 48 (bốn mươi tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Xử phạt bị cáo Lâm Ngọc N 24 (hai mươi tư) tháng tù cho hưởng án treo thời gian thử thách 48 (bốn mươi tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Xử phạt bị cáo Bùi Văn T 24 (hai mươi tư) tháng tù cho hưởng án treo thời gian thử thách 48 (bốn mươi tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo Bùi Văn H, Bùi Văn T cho Ủy ban nhân dân xã Thạch S, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Giao các bị cáo Lâm Ngọc T, Lâm Ngọc N cho Ủy ban nhân dân xã Y, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; Giao các bị cáo Lê Văn Đ, Hoàng Văn C cho Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Nghệ A nơi các bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của án treo. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo.

Trong thời gian thử thách người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định tại Điều 87 của Luật Thi hành án hình sự từ 02 lần trở lên, thì Tòa án có

thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì phải thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự như sau:

“1. Người được hưởng án treo có thể vắng mặt tại nơi cư trú nếu có lý do chính đáng và phải xin phép theo quy định tại khoản 2 Điều này, phải thực hiện khai báo tạm vắng theo quy định của pháp luật về cư trú. Thời gian vắng mặt tại nơi cư trú mỗi lần không quá 60 ngày và tổng số thời gian vắng mặt tại nơi cư trú không được vượt quá một phần ba thời gian thử thách, trừ trường hợp bị bệnh phải điều trị tại cơ sở y tế theo chỉ định của bác sĩ và phải có xác nhận điều trị của cơ sở y tế đó.

2. Người được hưởng án treo khi vắng mặt tại nơi cư trú phải có đơn xin phép và được sự đồng ý của Ủy ban nhân dân cấp xã được giao giám sát, giáo dục; trường hợp không đồng ý thì Ủy ban nhân dân cấp xã phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người được hưởng án treo khi đến nơi cư trú mới phải trình báo với Công an cấp xã nơi mình đến tạm trú, lưu trú; hết thời hạn tạm trú, lưu trú phải có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Công an cấp xã nơi tạm trú, lưu trú. Trường hợp người được hưởng án treo vi phạm pháp luật, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó đến tạm trú, lưu trú phải thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã được giao giám sát, giáo dục kèm theo tài liệu có liên quan.

3. Việc giải quyết trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc thực hiện theo quy định tại Điều 68 của Luật này.

4. Người được hưởng án treo không được xuất cảnh trong thời gian thử thách.”

Hủy bỏ các Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số: 03/2024/HSST-LCĐKNCT, 04/2024/HSST-LCĐKNCT, 05/2024/HSST-LCĐKNCT, 06/2024/HSST-LCĐKNCT, 07/2024/HSST-LCĐKNCT, 08/2024/HSST-LCĐKNCT ngày 19/01/2024 của Tòa án nhân dân huyện Cát Hải đối với các bị cáo Lâm Ngọc T, Lê Văn Đ, Hng Văn C, Bùi Văn H, Lâm Ngọc N, Bùi Văn T.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu **tiêu hủy 03 (ba) mảnh thủy tinh**, theo Biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 17/01/2024 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cát Hải và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cát Hải.

Về án phí hình sự: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Bị cáo, người có quyền lợi liên quan có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân TP Hải Phòng;
- Viện Kiểm sát nhân dân TP Hải Phòng;
- Trại giam CA TP Hải Phòng;
- Sở Tư pháp thành phố Hải Phòng;
- PV 06 Công A TP Hải Phòng;
- Cơ quA Thi hành án hình sự Công A huyện Cát Hải;
- Công A huyện Cát Hải;
- Viện Kiểm sát nhân dân huyện Cát Hải;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cát Hải;
- UBND xã T, huyện T, UBND xã Y, huyện N, tỉnh T Hoá;
- UBND xã N, huyện N tỉnh Nghệ A;
- Các bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Như Quỳnh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Như Quỳnh

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP Hải Phòng;
- Viện Kiểm sát nhân dân TP Hải Phòng;
- Trại giam CA TP Hải Phòng;
- Sở Tư pháp thành phố Hải Phòng;
- PV 06 Công A TP Hải Phòng;
- Cơ quan Thi hành án hình sự Công A huyện Cát Hải;
- Công A huyện Cát Hải;
- Viện Kiểm sát nhân dân huyện Cát Hải;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cát Hải;
- UBND xã Văn Phong, huyện Cát Hải;
- Bị cáo;
- Đ diện hợp pháp của bị cáo;
- Bị hại;
- Đ diện hợp pháp của bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Như Quỳnh